

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	- Chủ đầu tư : CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG - Địa chỉ : 02 Lê Duẩn, Phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. - Điện thoại : 0262.2210229 - 0262.2210235 Fax : 0262.2226801. - Tài khoản : 5201211010002 - Mở tại : tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Buôn Ma Thuột Bắc Đắk Lắk. - Mã số thuế : 0400101394-012. - Người đại diện : TRẦN VĂN THUẬN Chức vụ: Giám đốc công ty Email: dlpc.msc@gmail.com
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Tên gói thầu: Gói thầu số 01/XL-..... Công trình:
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường: Được xác định trong bản vẽ số: thuộc chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ngày kể từ ngày thông báo khởi công
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ngày kể từ ngày thông báo khởi công
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Bên A thông báo khởi công
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK Địa chỉ: Số 02 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

	- Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục); 2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; 3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng. 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT); 6. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC); 7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 8. E-HSMT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSMT (nếu có). 9. Thoả thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh). 10. Các tài liệu kèm theo khác: Phụ lục I: Bảng chiết tính giá trị hợp đồng; Phụ lục II: Bảng thông số kỹ thuật VTTB do nhà thầu cung cấp và danh sách cán bộ chủ chốt tham gia thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 6,0% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 7 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. <u>Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày: hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và bên A nhận được bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</u>

	<i>Trường hợp bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 6,0% phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</i> <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 6,0% phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</i> <i>Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</i> <i>- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</i> <i>- Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</i> <i>- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</i> <i>- Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</i> <i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</i> <i>Nếu bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</i> <i>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà bên B phải khắc phục thì bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 5.4	<i>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i>

E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 7 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 7 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng
E-ĐKC 13	Nhà thầu sẽ không được phép thi công nếu không đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự theo E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về nhân sự trong E-HSDT (phải bằng các nhân sự có kinh nghiệm, năng lực tương tự hoặc cao hơn), Nhà thầu phải báo cáo đơn vị QLDA và được thống nhất cho phép thay đổi bằng văn bản để quản lý theo dõi. Trong mỗi gói thầu thi công xây lắp, Chủ đầu tư có 3 lần gửi văn bản đến nhà thầu về lý do chưa đảm bảo thi công theo số lượng và thành phần về công tác nhân sự trong E-HSDT (3 lần vi phạm). Chủ đầu tư thực hiện chấm dứt hợp đồng xây lắp với nhà thầu vi phạm và thông báo về EVNCPC để xem xét năng lực Nhà thầu này tham dự thầu đối với các gói thầu của các đơn vị QLDA khác trong EVNCPC.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho Vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu theo quy định của pháp luật liên quan.

E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là Công trình:
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là ngày Bên A bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến các hợp đồng bằng cách thương lượng. Tòa án: Nếu sau 15 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo các hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. <i>- Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi chủ đầu tư đặt trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật.</i> <i>- Nhà thầu có thời hạn 90 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</i>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: - Ngày hoàn thành dự kiến:
E-ĐKC 29.1	Tiến độ cấp 2 được nhà thầu lập trong vòng 3 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trình Chủ đầu tư thống nhất phê duyệt. Mọi chậm trễ tiến độ sẽ thực hiện theo các điều khoản cụ thể trong hợp đồng. Các lưu ý khi lập tiến độ cấp 2: + Phải căn cứ vào kết quả khảo sát thực tế hiện trường, thời gian và nguồn lực của nhà thầu đã cam kết trong tiến độ hợp đồng.

	<i>Tiến độ cấp 2 phải đảm bảo khả thi, thuận lợi nhất trong công tác thi công, giám sát và quản lý tiến độ hợp đồng.</i> + <i>Phân rã các nội dung trong tiến độ hợp đồng đã ký theo từng công việc cụ thể, theo đó lập lại các công việc theo nhóm thi công, loại hình công việc và theo từng xuất tuyến (đối với lưới điện trung hạ áp), để thuận lợi trong việc quản lý tiến độ.</i> + <i>Tiến độ công việc phải có thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, thể hiện rõ công việc trước, công việc sau và liên kết hợp lý với nhau. Đồng thời phải thể hiện thời gian giải phóng mặt bằng và các thủ tục liên quan (nếu có).</i>
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <i>hàng tuần vào ngày thứ 5.</i> - <i>Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhập là 10% đợt thanh toán kế tiếp.</i>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Điều chỉnh tiến độ thực hiện: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau: - Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng. - Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. Việc bàn giao mặt bằng không đúng các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra.
E-ĐKC 31	Đẩy nhanh tiến độ: - Nhà thầu phải chủ động, tích cực cử cán bộ (Chỉ huy trưởng/cán bộ kỹ thuật của nhà thầu) làm việc với chính quyền địa phương nơi có công trình về các vướng mắc, cản trở trong quá trình thi công. - Trực tiếp liên hệ với chính quyền địa phương để xác định các đơn vị/cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình triển khai thi công phần móng, cột, tiếp địa, hành lang tuyến...và phối hợp với Chủ đầu tư để chi trả tiền hỗ trợ GPMB cho các đơn vị/cá nhân bị ảnh hưởng (nếu có). Sau khi thi công hoàn thành cơ bản công trình: nếu các hạng mục công trình không đảm bảo an toàn về hành lang lưới điện, Nhà thầu phải thực hiện phát quang hành lang tuyến để đóng điện theo tiến độ, mọi chi phí về nhân công phát quang do Nhà thầu chịu.

C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại thiết bị trước khi đưa vào công trình (theo nội dung tại Phụ lục II_Thông số kỹ thuật VTTB do nhà thầu cung cấp). Trong trường hợp cần thiết Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị kiểm tra thí nghiệm độc lập để đối chứng, nếu kết quả kiểm tra xác định rằng vật tư, thiết bị đó không đảm bảo yêu cầu hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan để khắc phục bao gồm chi phí cho việc thuê đơn vị thí nghiệm độc lập. Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho CĐT trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình. Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng, nếu có các phản ánh, khiếu nại của bên thứ ba về việc nhà thầu đã xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư, thiết bị cung cấp cho các đơn vị thì phản ánh, khiếu nại đó phải được bên thứ ba chứng minh bằng bản án, quyết định của tòa án Việt Nam hoặc kết luận, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về hành vi vi phạm. Nhà thầu phải thực hiện lập Nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT) và Biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình theo quy định tại Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và văn bản số 2943/EVNCPC-ĐT ngày 25/4/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc phổ biến quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên IMIS
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo Đơn giá cố định

E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: + Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu 25% giá trị hợp đồng sau thuế sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh của Bên nhận thầu. Tiền tạm ứng được thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký + Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán + Tỷ lệ giảm trừ tiền tạm ứng trong các lần thanh toán được tính như sau: Giá trị giảm trừ tiền tạm ứng=Giá trị tạm ứng*(Giá trị thực hiện/(Giá trị hợp đồng*0,8)) + Thời gian tạm ứng: trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng và được EVNCPC cấp vốn. - <i>Hồ sơ tạm ứng:</i> + <i>Giấy đề nghị tạm ứng của bên B: 02 bản gốc;</i> + <i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính)</i> + <i>Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng số tiền đề nghị tạm ứng theo mẫu quy định trong HSMT: 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính)</i> - <i>Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng hoặc đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng tùy điều kiện nào đến trước.</i> - <i>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu bên B không giao nộp đúng hạn, bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do bên B chi trả.</i> <u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) bên A có bằng chứng trong việc

	<i>bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</i> <i>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</i> <i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</i> <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng."</i> - Quản lý chi phí tạm ứng: <i>Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. CĐT sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu.</i> - Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: <i>Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.</i> <i>Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.</i> <i>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A.</i> <i>Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.</i>
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

	a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ và trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng khi đầy đủ hồ sơ thanh toán như quy định. Mỗi đợt thanh toán Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đi một phần giá trị của Nhà thầu đã được tạm ứng cho đến khi hoàn lại đủ giá trị đã tạm ứng và một khoản tiền giữ lại là 5% giá trị mỗi lần thanh toán (Số tiền giữ lại này được quy định bằng số tiền bảo hành công trình theo quy định của nhà nước). b) Thời hạn thanh toán: Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định tại mục a nêu trên, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản trong vòng 14 ngày làm việc c) Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%. d) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam Riêng đối với việc thanh toán số tiền giữ lại theo quy định tại Điều 46.1 chỉ thực hiện sau khi nhà thầu đã cung cấp Bảo lãnh bảo hành sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng (trường hợp nhà thầu thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam) hoặc sau khi được chủ đầu tư xác nhận hết thời hạn bảo hành công trình.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép, trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10% + 50% khoản tiền giữ lại được thanh toán cho nhà thầu sau khi đã hoàn tất hồ sơ quyết toán nộp cho bên A và được bên A chấp thuận. + 50% còn lại sẽ được thanh toán ngay sau khi bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình (khi bên B đệ trình giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định). <u>Bảo lãnh bảo hành:</u> Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy

	ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng. <u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:</u> Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: * Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp

	lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh. Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau: a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: - Đối với hợp đồng đơn giá cố định: Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có). b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng. ** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”. d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng

hoặc không do lỗi của Chủ Đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.

1. Về chậm tiến độ:

- Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:

+ Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm), hoặc

+ Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).

- Các mức phạt: Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được qui định như sau:

+ Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt.

+ Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

2. Về vi phạm chất lượng:

- Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 49.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên.

3. Phạt vi phạm Hợp đồng:

a) Bên nhận thầu không đảm bảo đúng theo số lượng và thành phần về công tác nhân sự trên công trường theo quy định trong Hợp đồng.

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu.

- Lần 02: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Bên nhận thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,5% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Lần 03: Bên giao thầu đình chỉ thi công và xem xét chấm dứt Hợp đồng.

b) Bên nhận thầu không có hoặc không ghi đầy đủ nhật ký thi công điện tử đến thời điểm kiểm tra:

	- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu. - Lần 02 và các lần sau: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Bên nhận thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. c) Bên nhận thầu chậm nộp nghiệm thu và thanh toán quý: Mỗi lần chậm phạt 0,5% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm và không giải ngân số tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu trong đợt vi phạm. d) Bên nhận thầu không báo cáo tiến độ hàng tuần hoặc báo cáo không đúng tiến độ: - Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu. - Lần 02: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản cho Bên nhận thầu và có văn bản mời Bên nhận thầu đến làm việc. - Lần 03 và các lần sau: Bên giao thầu lập biên bản tạm đình chỉ thi công và mỗi lần vi phạm phạt 0,01% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. đ) Bên nhận thầu chậm nộp hồ sơ hoàn công, nghiệm thu: - Trường hợp chậm nộp hồ sơ nghiệm thu để đóng điện hạng mục công trình đã đủ điều kiện theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu. Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày đủ điều kiện đóng điện thì phạt 0,5% giá hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá hợp đồng. - Trường hợp chậm nộp hồ sơ hoàn công để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (lần đầu/ hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu): Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày hạng mục cuối cùng đã thi công hoàn thành nghiệm thu đóng điện thì phạt 0,5% giá hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá hợp đồng. e) Bên nhận thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng (lần đầu/hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu): Nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 0,5% giá hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá hợp đồng. <i>* Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.</i>
--	---

	- Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; * Trong quá trình thi công hoặc thi công hoàn thành và trong thời gian bảo hành nhưng để xảy ra sự cố do chất lượng thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu cung cấp điện, chất lượng điện năng, nguy cơ xảy ra tai nạn điện...nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do mất điện được tính theo công thức sau: $Zbt = Gbq \times Ađn \times Tbt + Ytc$ Trong đó: - Zbt: Giá trị bồi thường. - Gbq: Giá bán điện bình quân của Công ty Điện lực với tháng liền kề trước đó bị sự cố. - Ađn: Sản lượng mất điện do sự cố gây nên. - Tbt: Tỷ lệ bồi thường đối với trường hợp xác định không hoàn toàn do lỗi của nhà thầu. - Ytc: Chi phí đền bù để thi công khôi phục tình trạng lưới điện * Và các thiệt hại thực tế khác có liên quan.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: ngày kể từ ngày có thông báo khởi công. Bảo hành công trình: 12 tháng tính từ ngày hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: (trước 07 ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, nhà thầu nộp bản vẽ hoàn công công trình: 02 bộ gốc) - Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng, nhà thầu nộp hồ sơ phục vụ quyết toán công trình: 01 bộ gốc, 03 bộ sao.

E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 5% giá trị quyết toán hoặc Nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư một bảo đảm ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành công trình của nhà thầu với một khoản tiền xác định là 5% giá trị quyết toán công trình theo qui định.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 21 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.